

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ.**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 63/2022/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* **Anh Lê Tiến B**, sinh năm 1989;
- *Bị đơn:* **Chị Hà Thị B1**, sinh năm 1992.

Đều ở địa chỉ: khu Đ, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều: 55, 57, 58, 81, 82, 83, 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 11 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn:** Giữa anh Lê Tiến B và chị Hà Thị B1.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:**

- a. *Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con:* Anh B và chị B1 có 01 (một) con chung là cháu Lê Hà Bích Ng, 20/02/2012. Khi ly hôn, chị B1 được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Ngc đến khi thành niên. Anh B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Ng cùng chị B1 số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/ 1 tháng, kể từ tháng 11/2022 đến khi thành niên.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở.

- b. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:* Anh B và chị B1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- c. *Về án phí:* Anh B tự nguyện nộp toàn bộ 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng. Xác nhận anh B đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2020/0007444 ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.
3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng, nghị theo thủ tục phúc thẩm.
4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện, tỉnh;
- THADS huyện;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thị Hồng Mai**

